

# **Công ty Cổ phần Âu Lạc**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

# Công ty Cổ phần Âu Lạc

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

# Công ty Cổ phần Âu Lạc

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Âu Lạc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải - kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan và các hoạt động khác có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 159, Đường Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch	
Ông Lê Minh Quốc	Phó chủ tịch	từ ngày 8 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Văn Tùng	Thành viên	từ ngày 8 tháng 4 năm 2015
Ông Đặng Vinh Sang	Thành viên	từ ngày 8 tháng 4 năm 2015
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Thành viên	đến ngày 8 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	đến ngày 8 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên	đến ngày 8 tháng 4 năm 2015

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Đình Thủy Tiên	Thành viên	từ ngày 8 tháng 4 năm 2015
Bà Đặng Thị Hồng Loan	Thành viên	từ ngày 8 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Vĩnh Kha	Thành viên	
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	đến ngày 8 tháng 4 năm 2015
Bà Bùi Thị Thu Thảo	Thành viên	đến ngày 8 tháng 4 năm 2015

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Mai Văn Tùng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Âu Lạc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Âu Lạc ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61115482/17069393

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Âu Lạc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better  
working world**

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>186.374.534.214</b>	<b>201.345.041.431</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>66.452.162.892</b>	<b>108.436.975.513</b>
111	1. Tiền		17.952.162.892	14.436.975.513
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.500.000.000	94.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	22.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>25.385.468.082</b>	<b>48.782.056.082</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	19.959.127.468	47.250.482.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.154.317.156	1.291.477.010
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		2.420.737.069	814.453.221
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.148.713.611)	(574.356.806)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>40.527.767.866</b>	<b>39.826.664.479</b>
141	1. Hàng tồn kho		40.527.767.866	39.826.664.479
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>32.009.135.374</b>	<b>4.299.345.357</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.088.724.376	2.247.986.517
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		29.920.410.998	2.051.358.840
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.004.868.901.981</b>	<b>900.757.055.894</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>4.605.000.000</b>	<b>4.605.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.605.000.000	4.605.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>965.783.397.517</b>	<b>866.715.111.557</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	965.783.397.517	866.715.111.557
222	Nguyên giá		1.592.667.525.889	1.364.256.049.835
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(626.884.128.372)	(497.540.938.278)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		83.435.669	83.435.669
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.435.669)	(83.435.669)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>10.716.846.739</b>	<b>2.136.630.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	10.716.846.739	2.136.630.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>5.073.925.500</b>	<b>6.200.096.009</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	1.400.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10	9.874.000.000	9.874.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10	(4.800.074.500)	(5.073.903.991)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.689.732.225</b>	<b>21.100.218.328</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	18.689.732.225	21.100.218.328
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.191.243.436.195</b>	<b>1.102.102.097.325</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>462.222.337.417</b>	<b>436.372.852.103</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>144.278.184.949</b>	<b>145.839.158.382</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	23.760.189.994	25.367.037.394
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.342.920.326	2.351.525.407
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.961.016.490	1.971.504.223
314	4. Phải trả người lao động		6.193.109.235	4.243.308.061
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.873.710.681	1.885.817.349
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.116.983.052	5.286.717.480
320	7. Vay ngắn hạn	15	84.557.515.703	100.321.463.269
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.472.739.468	4.411.785.199
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>317.944.152.468</b>	<b>290.533.693.721</b>
338	1. Vay dài hạn	15	317.944.152.468	290.533.693.721
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>729.021.098.778</b>	<b>665.729.245.222</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.1</b>	<b>729.021.098.778</b>	<b>665.729.245.222</b>
411	1. Vốn cổ phần		326.779.820.000	312.179.820.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		326.779.820.000	312.179.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		254.725.820.000	254.725.820.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.421.330.700)	(5.172.851.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		55.480.871.495	46.268.266.685
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		120.455.917.983	57.728.189.537
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.571.991.880	19.446.116.853
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		97.883.926.103	38.282.072.684
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.191.243.436.195</b>	<b>1.102.102.097.325</b>

Lê Hải Anh  
Người lập biểu

Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		695.528.254.618	624.211.251.392
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20	(475.374.459.501)	(527.152.344.784)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		220.153.795.117	97.058.906.608
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17	5.581.762.377	31.122.082.551
22	5. Chi phí tài chính	18	(27.612.682.140)	(28.287.614.011)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.609.181.461)	(21.836.091.971)
25	6. Chi phí bán hàng	19, 20	(13.083.162.621)	(13.907.786.874)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	(34.762.115.597)	(29.757.997.147)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		150.277.597.136	56.227.591.127
31	9. Thu nhập khác		2.598.417.746	1.936.865.949
32	10. Chi phí khác		(1.248.303.215)	(877.175.363)
40	11. Lợi nhuận khác		1.350.114.531	1.059.690.586
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		151.627.711.667	57.287.281.713
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	(36.470.151.546)	(12.249.549.143)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		115.157.560.121	45.037.732.570
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	3.408	1.606
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	3.408	1.562

Lê Hải Anh  
Người lập biểu

Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>151.627.711.667</b>	<b>57.287.281.713</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	8	129.416.976.094	111.590.635.653
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		300.527.314	(1.363.843.379)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.929.419.141	2.980.934.352
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.914.027.802)	(30.650.425.561)
06	Chi phí lãi vay	18	15.609.181.461	21.836.091.971
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>302.969.787.875</b>	<b>161.680.674.749</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(4.268.199.766)	(3.835.485.393)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(701.103.387)	3.644.131.721
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.075.275.832)	806.522.989
12	Giảm chi phí trả trước		2.569.748.244	8.533.869.731
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.609.181.461)	(20.387.252.206)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(28.136.927.268)	(15.389.383.285)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.000.074.939)	(6.812.350.933)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>250.748.773.466</b>	<b>128.240.727.373</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(237.065.478.793)	(284.538.916.183)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(27.000.000.000)	(11.500.000.000)
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		5.000.000.000	17.900.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(4.000.000.000)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		613.000.000	53.829.771.640
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.914.027.802	7.930.425.561
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(254.538.450.991)</b>	<b>(220.378.718.982)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành		(23.248.479.700)	(1.604.251.000)
33	Tiền thu từ đi vay		363.803.532.843	581.316.633.770
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(347.657.513.943)	(447.966.494.086)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	16.2	(31.287.569.040)	(29.655.821.789)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(38.390.029.840)</b>	<b>102.090.066.895</b>
50	<b>(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(42.179.707.365)</b>	<b>9.952.075.286</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>108.436.975.513</b>	<b>98.463.784.926</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		194.894.744	21.115.301
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>66.452.162.892</b>	<b>108.436.975.513</b>

Lê Hải Anh  
Người lập biểu

Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Âu Lạc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải - kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, dịch vụ thủ tục hải quan và các hoạt động khác có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 159, Đường Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 311 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 259).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán do việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 26.

#### 3.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Phụ tùng, vật tư	- chi phí xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- chi phí nhiên liệu trực tiếp được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại ("cổ phiếu quỹ") được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	655.744.924	519.364.403
Tiền gửi ngân hàng	17.296.417.968	13.917.611.110
Các khoản tương đương tiền	48.500.000.000	94.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.452.162.892</b>	<b>108.436.975.513</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,8%/năm.

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn sáu (6) tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và hưởng lãi suất 5,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
PTT International Trading Pte Ltd.	8.755.500.000	-
Petrolimex Singapore Pte Ltd.	5.567.720.107	21.204.992.000
PetroChina International (Singapore) Pte. Ltd.	4.487.193.750	-
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	-	5.282.659.208
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.148.713.611	20.762.831.449
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.959.127.468</u></b>	<b><u>47.250.482.657</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	23.867.815.362	18.227.644.320
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	16.659.952.504	21.599.020.159
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.527.767.866</u></b>	<b><u>39.826.664.479</u></b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện phần nhiên liệu tồn trên các tàu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	12.399.011.818	246.643.427	1.351.072.251.730	538.142.860	1.364.256.049.835
Mua mới trong năm	-	-	228.444.716.599	40.545.455	228.485.262.054
Thanh lý	-	-	-	(73.786.000)	(73.786.000)
Số cuối năm	<u>12.399.011.818</u>	<u>246.643.427</u>	<u>1.579.516.968.329</u>	<u>504.902.315</u>	<u>1.592.667.525.889</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	246.643.427	-	538.142.860	784.786.287
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(3.802.360.000)	(246.643.427)	(492.953.791.991)	(538.142.860)	(497.540.938.278)
Khấu hao trong năm	(495.960.000)	-	(128.920.790.841)	(225.253)	(129.416.976.094)
Thanh lý	-	-	-	73.786.000	73.786.000
Số cuối năm	<u>(4.298.320.000)</u>	<u>(246.643.427)</u>	<u>(621.874.582.832)</u>	<u>(464.582.113)</u>	<u>(626.884.128.372)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>8.596.651.818</u>	<u>-</u>	<u>858.118.459.739</u>	<u>-</u>	<u>866.715.111.557</u>
Số cuối năm	<u>8.100.691.818</u>	<u>-</u>	<u>957.642.385.497</u>	<u>40.320.202</u>	<u>965.783.397.517</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố     thế chấp (Thuyết minh số 15)</i>	8.100.691.818	-	655.429.712.979	-	663.530.404.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sửa chữa định kỳ	10.194.518.595	2.136.630.000
Xây dựng văn phòng	522.328.144	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.716.846.739</u></b>	<b><u>2.136.630.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Tên công ty	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Xăng dầu Nam Việt Sài Gòn	4.000.000.000	(650.400.000)	3.349.600.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	2.700.000.000	(2.700.000.000)	-	2.700.000.000	(2.700.000.000)	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.120.000.000	(1.379.344.050)	740.655.950	2.120.000.000	(1.215.184.000)	904.816.000
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	745.000.000	(70.330.450)	674.669.550	745.000.000	(278.704.500)	466.295.500
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	309.000.000	-	309.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	-	-	-	309.000.000	(174.494.118)	134.505.882
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.874.000.000</b>	<b>(4.800.074.500)</b>	<b>5.073.925.500</b>	<b>9.874.000.000</b>	<b>(4.368.382.618)</b>	<b>5.505.617.382</b>

Chi tiết thay đổi các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.073.903.991	4.997.820.045
Dự phòng trích lập trong năm	887.387.164	3.976.083.946
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong năm	(1.161.216.655)	(3.900.000.000)
Số cuối năm	<u>4.800.074.500</u>	<u>5.073.903.991</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Phí bảo hiểm	2.088.724.376	2.247.986.517
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	18.689.732.225	21.100.218.328
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.778.456.601</b>	<b>23.348.204.845</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	2.552.948.000	71.318.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	2.526.848.060	2.575.909.827
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hàn Việt	2.407.844.748	1.582.168.431
Standard Maritime Pte Ltd.	1.416.763.638	4.991.210.251
Phải trả người bán khác	14.855.785.548	16.146.430.885
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.760.189.994</b>	<b>25.367.037.394</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm và điều chỉnh tăng các năm trước	Số đã nộp trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21)	1.478.868.343	36.470.151.546	(28.136.927.268)	(1.026.572.433)	8.785.520.188
Thuế thu nhập cá nhân	492.635.880	3.703.521.095	(3.020.660.673)	-	1.175.496.302
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.971.504.223</b>	<b>40.173.672.641</b>	<b>(31.157.587.941)</b>	<b>(1.026.572.433)</b>	<b>9.961.016.490</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng phải trả	2.104.759.777	2.741.765.528
Cổ tức phải trả	1.648.692.507	1.498.235.547
Lãi trái phiếu phải trả	-	685.388.890
Các khoản khác	1.363.530.768	361.327.515
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.116.983.052</b>	<b>5.286.717.480</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**15. VAY**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>100.321.463.269</b>	<b>188.147.532.843</b>	<b>(203.991.001.865)</b>	<b>79.521.456</b>	<b>84.557.515.703</b>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	54.149.042.133	132.895.245.811	(150.792.340.729)	79.521.456	36.331.468.671
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	31.572.421.136	55.252.287.032	(38.598.661.136)	-	48.226.047.032
Trái phiếu chuyển đổi đến hạn	14.600.000.000	-	(14.600.000.000)	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>290.533.693.721</b>	<b>175.656.000.000</b>	<b>(158.266.512.078)</b>	<b>10.020.970.825</b>	<b>317.944.152.468</b>
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	290.533.693.721	175.656.000.000	(158.266.512.078)	10.020.970.825	317.944.152.468
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>390.855.156.990</b>	<b>363.803.532.843</b>	<b>(362.257.513.943)</b>	<b>10.100.492.281</b>	<b>402.501.668.171</b>

**15.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 8)
	VND	Đô la Mỹ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	23.621.745.071	1.048.970	Từ ngày 18 tháng 6 năm 2016 đến ngày 29 tháng 6 năm 2016	1,7	Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	12.709.723.600	564.400	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2016 đến ngày 27 tháng 1 năm 2016	2,0	Tòa nhà văn phòng (Thuyết minh số 8)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.331.468.671</b>	<b>1.613.370</b>			

Công ty sử dụng các khoản vay này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**15. VAY (tiếp theo)**

**15.2 Vay dài hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức bảo đảm (Thuyết minh số 8)
	VND	Đô la Mỹ			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	180.208.297.500	8.002.500	Trả làm 7 phân kỳ theo năm từ ngày 18 tháng 7 năm 2015 đến ngày 18 tháng 7 năm 2021	Thả nổi	Tàu
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quận 5	168.622.272.000	7.488.000	Trả làm 25 phân kỳ theo quý từ ngày 18 tháng 12 năm 2015 đến ngày 16 tháng 12 năm 2021	Thả nổi	Tàu
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17.339.630.000	770.000	Trả làm 23 phân kỳ theo quý từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 10 năm 2018	Thả nổi	Tàu
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>366.170.199.500</b>	<b>16.260.500</b>			
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	48.226.047.032	2.141.571			
Vay dài hạn	317.944.152.468	14.118.929			

Công ty sử dụng các khoản vay này cho mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	253.779.820.000	254.725.820.000	(3.568.600.000)	42.665.248.079	54.362.608.186	601.964.896.265
Trái phiếu chuyển đổi	58.400.000.000	-	-	-	-	58.400.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.604.251.000)	-	-	(1.604.251.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	45.037.732.570	45.037.732.570
Trích lợi nhuận	-	-	-	3.603.018.606	(3.603.018.606)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.152.641.280)	(3.152.641.280)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(30.016.640.400)	(30.016.640.400)
Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(4.899.850.933)	(4.899.850.933)
Số cuối năm	<u>312.179.820.000</u>	<u>254.725.820.000</u>	<u>(5.172.851.000)</u>	<u>46.268.266.685</u>	<u>57.728.189.537</u>	<u>665.729.245.222</u>
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	312.179.820.000	254.725.820.000	(5.172.851.000)	46.268.266.685	57.728.189.537	665.729.245.222
Cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu (*)	14.600.000.000	-	-	-	-	14.600.000.000
Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	-	(23.248.479.700)	-	-	(23.248.479.700)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	115.157.560.121	115.157.560.121
Trích lợi nhuận	-	-	-	9.212.604.810	(9.212.604.810)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.061.029.208)	(8.061.029.208)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(31.438.026.000)	(31.438.026.000)
Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.718.171.657)	(3.718.171.657)
Số cuối năm	<u>326.779.820.000</u>	<u>254.725.820.000</u>	<u>(28.421.330.700)</u>	<u>55.480.871.495</u>	<u>120.455.917.983</u>	<u>729.021.098.778</u>

(\*) Vào ngày 12 tháng 1 năm 2015 và ngày 12 tháng 7 năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải và Xăng dầu Sài Gòn đã thực hiện quyền chuyển đổi 20% số lượng trái phiếu đã phát hành còn lại, tương đương 14.600 trái phiếu, thành 1.460.000 cổ phiếu với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phiếu.

(\*\*) Vào ngày 4 tháng 11 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc mua lại 1.879.719 cổ phiếu đã phát hành cho các cổ đông hiện hữu trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	312.179.820.000	253.779.820.000
Cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu	14.600.000.000	58.400.000.000
Số cuối năm	<u>326.779.820.000</u>	<u>312.179.820.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	31.438.026.000	30.016.640.400
Cổ tức đã trả	31.287.569.040	29.655.821.789

**16.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm (Số cổ phiếu)	Số đầu năm (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	32.677.982	31.217.982
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	32.677.982	31.217.982
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(2.389.675)	(509.956)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	30.288.307	30.708.026

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	3.914.027.802	3.705.657.287
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.667.734.575	471.656.990
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	24.279.468.274
Cổ tức được chia	-	2.665.300.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>5.581.762.377</b></u>	<u><b>31.122.082.551</b></u>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	15.609.181.461	21.836.091.971
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.556.647.133	3.105.209.734
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	446.853.546	3.346.312.306
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>27.612.682.140</b></u>	<u><b>28.287.614.011</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>13.083.162.621</b>	<b>13.907.786.874</b>
Chi phí hoa hồng	13.083.162.621	13.907.786.874
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>34.762.115.597</b>	<b>29.757.997.147</b>
Chi phí nhân công	21.508.456.603	17.630.135.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.081.584.559	6.116.754.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.008.830.877	1.036.606.814
Chi phí khác	7.163.243.558	4.974.500.492
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.845.278.218</u></b>	<b><u>43.665.784.021</u></b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	155.824.278.940	231.977.621.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.399.680.265	174.311.989.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.396.311.094	111.590.635.653
Chi phí nhân công	57.814.843.206	47.963.381.414
Chi phí khác	8.784.624.214	4.974.500.492
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>523.219.737.719</u></b>	<b><u>570.818.128.805</u></b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.226.790.746	12.249.549.143
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	2.243.360.800	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.470.151.546</u></b>	<b><u>12.249.549.143</u></b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**21.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>151.627.711.667</b>	<b>57.287.281.713</b>
Chi phí không được khấu trừ	3.948.609.904	1.057.787.120
Thu nhập cố tức	-	(2.665.300.000)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>155.576.321.571</b>	<b>55.679.768.833</b>
<b>Thuế TNDN ước tính</b>	<b>34.226.790.746</b>	<b>12.249.549.143</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.478.868.343	4.618.702.485
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	2.243.360.800	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(28.136.927.268)	(15.389.383.285)
Giảm khác	(1.026.572.433)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>8.785.520.188</b>	<b>1.478.868.343</b>

**22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao và thưởng	3.718.171.657	4.899.850.933

**23. TÀI SẢN NGOÀI BẢNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý - VND	3.065.333.335	3.065.333.335
Ngoại tệ - USD	626.884	368.885

**24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế	115.157.560.121	45.037.732.570
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.061.029.208)	(3.152.641.280)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	107.096.530.913	41.885.091.290
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	31.425.330	26.088.026
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b>3.408</b>	<b>1.606</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU** (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	107.096.530.913	41.885.091.290
Lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi (VND)	-	1.138.800.000
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho yếu tố suy giảm (VND)</b>	<b>107.096.530.913</b>	<b>43.023.891.290</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	31.425.330	26.088.026
Số lượng cổ phiếu có khả năng chuyển đổi (cổ phiếu)	-	1.460.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho yếu tố suy giảm (cổ phiếu)</b>	<b>31.425.330</b>	<b>27.548.026</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>3.408</b>	<b>1.562</b>

**25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ hàng hải và vận tải biển. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200**

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
			VND
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
Tài sản cố định	868.851.741.557	(2.136.630.000)	866.715.111.557
Tài sản dở dang dài hạn	-	2.136.630.000	2.136.630.000
Quỹ dự phòng tài chính	25.908.074.021	(25.908.074.021)	-
Quỹ đầu tư phát triển	20.360.192.664	25.908.074.021	46.268.266.685
Phải thu ngắn hạn khác	782.863.221	31.590.000	814.453.221
Tài sản ngắn hạn khác	31.590.000	(31.590.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	4.605.000.000	4.605.000.000
Tài sản dài hạn khác	4.605.000.000	(4.605.000.000)	-
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>			
Tăng các khoản phải thu	(4.093.895.393)	258.410.000	(3.835.485.393)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	258.410.000	(258.410.000)	-

**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Lê Hải Anh  
Người lập biểu



Hồ Văn Thiện  
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016